

Bản án số: 93/2020/DS-PT

Ngày: 30/6/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hà.

Các Thẩm phán:

1. Ông Vũ Hồng Luyện

2. Ông Lê Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Hồng Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án thụ lý số: 72/2019/DS-PT ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: D354, khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: 502, Đồng Khởi, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Long C, sinh năm: 1981

Địa chỉ: 6/4B, khu phố 4, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng T1, sinh năm: 1959

Địa chỉ: 47, Lữ Mạnh, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: D354, khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và biên bản hòa giải, tại phiên tòa người đại theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Duy T và ông Nguyễn Long C có mối quan hệ họ hàng và có làm ăn với nhau. Từ khoảng năm 2015 cho đến tháng 11/2016, ông Nguyễn Long C có vay của ông Nguyễn Duy T nhiều lần tiền với tổng số tiền là 1.972.000.000đ (Một tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu đồng), do tin tưởng nhau nên các lần vay hai bên không làm giấy mà chỉ ghi sổ theo dõi riêng.

Từ tháng 3/2017 đến tháng 7/2017, ông C vay của ông T nhiều lần với số tiền là 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng), hai bên cũng không làm giấy chỉ ghi sổ theo dõi.

Hai khoản vay này, khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất thấp nhất là 3%/tháng, cao nhất là 8%/tháng nhưng kể từ thời điểm vay ông C không thanh toán cho ông T nợ gốc cũng như tiền lãi.

Ngày 17/09/2018, ông T có gửi thông báo thu hồi nợ cho ông C yêu cầu thanh toán số tiền nợ trên nhưng ông C vẫn không có ý kiến hay phương án trả nợ cho ông T.

Quá trình thu hồi nợ, ông T trình bày ông được bà Nguyễn Thị N1 là người sống chung với ông C trước đây cung cấp cho ông cuốn sổ màu trắng trên trang bìa có chữ “ Happy Vision và Honda” bên trong cuốn sổ có 03 trang giấy ghi nợ có chữ viết của ông C gồm:

+ 01 trang giấy có nội dung bắt đầu bằng từ: “Chú T” và kết thúc bằng từ “ông T đưa: 50.000.000đ”, tại dòng 2 có ghi ngày 23/12/2015.

+ 01 trang giấy có nội dung bắt đầu bằng các số : “17/01/2016” và kết thúc bằng từ và các chữ số “ và 13.000.USA”

+ 01 trang giấy có nội dung bắt đầu bằng các chữ viết: “ mới lấy” và kết thúc bằng từ và các chữ số “ lấy 50^{triệu} → 1 tháng”

Ngoài ra ông T còn cung cấp cho Tòa 01 USB theo đó có nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà L vợ ông T và ông Nguyễn Long C về số tiền nợ vay; nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông Nguyễn Duy T và bà Nguyễn Thị N1 về việc bà N1 có cung cấp cho ông T cuốn sổ ghi nợ bên ngoài bìa có chữ “Happy Vision”.

Do ông C không trả nợ, nên ông T khởi kiện yêu cầu ông C có trách nhiệm trả cho ông Thăng:

+ Số tiền 1.972.000.000đ (Một tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu đồng) và tiền lãi từ tháng 12/2016 đến tháng 9/2018 là $1.972.000.000đ \times 1,7\% \times 21 \text{ tháng} = 704.004.000đ$ (Bảy trăm linh bốn triệu không trăm linh bốn nghìn đồng).

+ Số tiền 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng) và lãi suất tính từ tháng 8/2017 đến tháng 9/2018 là 13 tháng với mức lãi là: $330.000.000đ \times 1,7\% \times 13 \text{ tháng} = 72.930.000đ$ (Bảy mươi hai triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng).

Như vậy tổng số tiền ông T yêu cầu ông C phải thanh toán là: $1.972.000.000đ + 330.000.000đ + 704.004.000đ + 72.930.000đ = 3.078.934.000đ$ (Ba tỷ không trăm bảy mươi tám triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng) .

Tại phiên Tòa ông T yêu cầu ông C có trách nhiệm trả cho ông T 1.986.000.000đ (Một tỷ chín trăm tám mươi sáu triệu đồng), theo cuốn sổ ghi nợ màu trắng trên trang bìa có chữ “Happy Vision và Honda” bên trong cuốn sổ có 03 trang giấy ghi nợ có chữ viết của ông C trừ đi số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) mà ông T nợ của ông C, số tiền còn lại ông C có trách nhiệm trả cho ông T là 1.968.000.000đ (Một tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu đồng) cùng lãi suất từ tháng 1/2017 đến thời điểm xét xử với số tiền lãi là: $1.968.000.000đ \times 32 \text{ tháng} \times 1,7\% = 1.070.000.000đ$ (Một tỷ không trăm bảy mươi triệu đồng). Tổng cộng ông T yêu cầu ông C có trách nhiệm trả cho ông số tiền nợ là 3.038.592.000đ (Ba tỷ không trăm ba mươi tám triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng); số tiền vay bằng đồng đô la Mỹ (viết tắt là USD) ông T yêu cầu quy đổi cứ 1000USD tương đương 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền Việt Nam.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Trọng T1 trình bày:

Ông Nguyễn Long C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T. Cách đây khoảng 06 hay 07 năm, ông C có mượn của ông T

nhiều lần tiền với tổng số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); lãi suất được tính như sau: cứ 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) thì mỗi tháng ông C trả ông T 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và tính cho đến nay số tiền lãi mà ông C trả cho ông T đã vượt số tiền ông C mượn của ông T. Do khi mượn tiền ông T không có giấy vay tiền nên khi trả lãi ông C cũng không yêu cầu ông T ghi giấy tờ. Nay ông C chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và yêu cầu được trả dần. Ông C yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất mà ông C đã trả cho ông T. Ông C đồng ý trả cho ông T một khoản tiền lời theo mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng công bố vào thời điểm xét xử sơ thẩm sau khi căn trừ số tiền lãi mà ông C đã thanh toán cho ông T trước đây.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L* : thống nhất ý kiến của ông T và không có ý kiến gì thêm.

Tại Bản án số: 49/2019/DSST ngày 06/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã căn cứ khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Khoản 2, 3, 4 Điều 68; Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T.

- Buộc ông Nguyễn Long C có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Duy T số tiền nợ là 3.038.592.000đ (Ba tỷ không trăm ba mươi tám triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng) trong đó nợ gốc là 1.968.000.000đ (Một tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu đồng) và nợ lãi là 1.070.000.000đ (Một tỷ không trăm bảy mươi triệu đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông T đồng ý nộp 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí giám định. Số tiền này ông T đã nộp xong

Về án phí DSST: Ông C phải nộp 72.771.840đ. Hoàn trả ông T 46.790.000đ theo biên lai thu số 009931 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Ngoài ra án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02/10/2019, ông Nguyễn Trọng T1 là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Long C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu hủy án sơ thẩm.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Trong cuốn sổ ghi nợ mà ông T cung cấp thể hiện ông C có nợ của ông T số tiền 1.986.000.000đ (Một tỷ chín trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Tại phiên tòa ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông C thanh toán tổng số nợ gốc 1.986.000.000đ (Một tỷ chín trăm tám mươi sáu triệu đồng) và ông T cho rằng có nợ ông C 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) tiền mua hàng nên ông T đồng ý cân trừ vào số tiền mà ông C vay của ông. Xét đây là sự tự nguyện của ông T nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tòa án cũng đã tiến hành giám định chữ viết trong cuốn sổ màu trắng trên trang bìa có chữ “ Happy Vision và Honda” bên trong cuốn sổ có 03 trang giấy mà phía ông T cung cấp có phải là chữ viết của ông C không. Tại kết luận giám định số 732/KLGĐ ngày 26/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đồng Nai kết luận chữ viết trên các tài liệu ở phần mẫu giám định (được đóng dấu ký hiệu từ A1 đến A3) với chữ viết trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (được đóng dấu ký hiệu từ M1 đến M3) là do cùng một người viết ra.

Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trọng T1 được làm trong hạn luật định, ông Tuệ đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, pháp luật áp dụng, tư cách đương sự: Tòa án cấp sơ thẩm xác định chính xác vào đầy đủ.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Ông T và ông C có mối quan hệ họ hàng và làm ăn với nhau, theo ông Nguyễn Duy T trình bày từ khoảng năm 2015 cho đến nay ông đã cho ông C vay rất nhiều lần tiền với tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến tháng 9/2018 là 3.078.934.000đ (Ba tỷ không trăm bảy mươi tám triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Nên ông T yêu cầu ông C có trách nhiệm trả cho ông T 1.986.000.000đ (Một tỷ chín trăm tám mươi sáu triệu đồng) theo cuốn sổ ghi nợ màu trắng trên trang bìa có chữ “ Happy Vision và Honda” bên trong cuốn sổ có 03 trang giấy ghi nợ có chữ viết của ông C trừ đi số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) mà ông T nợ của ông C, số còn lại 1.968.000.000đ (Một tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu đồng) cùng lãi suất từ tháng 01/2017 đến thời điểm xét xử với số tiền lãi là: $1.968.000.000đ \times 32 \text{ tháng} \times 1,7\% = 1.070.000.000đ$ (Một tỷ không trăm bảy mươi triệu đồng); số tiền vay bằng đồng Đô la Mỹ (viết tắt là USD) ông T yêu cầu quy đổi cứ 1000USD tương đương 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền Việt Nam.

Về phía ông C thừa nhận có vay của ông T nhiều lần tiền với tổng số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); lãi suất được tính như sau: cứ 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) thì mỗi tháng ông C trả ông T 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và tính cho đến nay số tiền lãi mà ông C trả cho ông T đã vượt số tiền ông C mượn của ông Thắng. Do khi mượn tiền ông T không có giấy vay tiền nên khi trả lãi ông C cũng không yêu cầu ông T ghi giấy tờ. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông C chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) đồng thời ông C yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất mà ông C đã trả cho ông Thắng.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông C cho rằng chỉ còn nợ của ông T 300.000.000đ Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Về số tiền vay:

Tại đoạn băng ghi âm về cuộc nói chuyện giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Long C được ông T bà Luyến ghi âm vào tháng 8/2018 và ông T đã đánh máy đoạn băng ghi âm trên để nộp cho Tòa án thì tại trang số 01 dòng 4 từ dưới đếm lên thể hiện:

“Bà L: Thì này dì cũng hỏi chú là bao nhiêu, chú bảo tới hai tỷ mấy lặn mà.

Ông C: Thì hai tỷ mấy, hai tỷ mấy nhưng mà trong giấy tờ của con bao giờ nó cũng ghi ngày tháng chứ không như của chú. Thì nếu có tiền chú cháu ngồi tính với nhau tính toán ra chứ không bỏ qua đồng nào đâu mà”.

Tòa án đã tiến hành cho ông C nghe đoạn băng ghi âm trên, ông C cho rằng ông không xác định giọng nói trong đoạn băng ghi âm trên có phải giọng nói của ông hay không và không yêu cầu giám định giọng nói trong đoạn băng ghi âm trên.

Tại đoạn băng ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông T và bà Nguyễn Thị N1 đã được ông T đánh máy thành trang A4, tại trang số 2 dòng 5 từ dưới đếm lên thể hiện:

“Bà N1: Chú phải hiểu, nói chung ra chú đừng có xen vô cái chuyện của con con không biết gì hết á, giữa chú với anh làm gì làm đi con không biết. Chú nói vậy thì con chỉ biết đưa mấy cái giấy đó chứ con chả biết gì luôn á. Con nói thiệt với chú luôn á, chú biết con không biết chữ mà”.

Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Thị N1 đến Tòa làm việc nhưng bà N1 vắng mặt không có lý do.

Tòa án cũng đã tiến hành cho ông C và ông T nghe đoạn băng ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông T và bà Nguyễn Thị N1 thì ông C xác định bà N1 là bạn gái của ông nhưng ông không xác định được giọng nói trong đoạn băng ghi âm trên có phải giọng nói của bà Ngân hay không.

Như vậy, theo đoạn băng ghi âm giữa ông C và bà L thì ông C có thừa nhận còn nợ ông T khoảng “hai tỷ mấy” và số nợ này ông có mở sổ theo dõi riêng và nội dung đoạn băng ghi âm giữa ông T và bà N1 cũng thể hiện bà N1 là người đưa cuốn sổ màu trắng trên trang bìa có chữ “ Happy Vision và Honda” trong cuốn sổ có 03 trang giấy ghi nợ có chữ viết của ông C. Tại cấp sơ thẩm theo yêu cầu của ông T, Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ viết trong cuốn sổ màu trắng trên trang bìa có chữ “ Happy Vision và Honda” bên trong cuốn sổ có 03 trang giấy gồm: Ngày 26/11/2015: Lấy chú T 100.000.000đ và 5.000USD; 01 trang giấy có nội dung bắt đầu bằng từ: “Chú T” và kết thúc bằng từ “ông T đưa : 50.000.000đ”, tại dòng 2 có ghi ngày 23/12/2015; 01 trang giấy có nội dung bắt đầu bằng các số : “ 17/01/2016” và kết thúc bằng từ và các chữ số “ và 13.000.USA”; 01 trang giấy có nội dung bắt đầu bằng các chữ viết: “ mới lấy” và kết thúc bằng từ và các chữ số “ lấy 50^{triệu} → 1 tháng” với mẫu cần giám định là bản tự khai có chữ viết của ông Nguyễn Long C ghi ngày 17/04/2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa; biên bản đối chất ngày 17/04/2019 giữa ông T và ông C tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa và giấy ủy quyền của ông Nguyễn Long C ghi ngày 07/01/2019.

Tại kết luận giám định số 732/KLGĐ ngày 26/07/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đồng Nai xác định chữ viết cuốn sổ màu trắng trên

trang bìa có chữ “Happy Vision và Honda” bên trong cuốn sổ có 03 trang giấy gồm với chữ viết tại bản tự khai có chữ viết của ông Nguyễn Long C ghi ngày 17/04/2019 tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa; biên bản đối chất ngày 17/04/2019 giữa ông T và ông C tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa và giấy ủy quyền của ông Nguyễn Long C ghi ngày 07/01/2019 là **cùng một người viết ra.**

Tuy nhiên, đối với phần ghi “ 17/01/2016” và kết thúc bằng từ và các chữ số “ và 13.000.USA” về phần này tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông T cũng thừa nhận là ghi nhầm, thực chất là 1.300USD. Xác định số tiền ông T cho ông C vay là 6.300USD.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T, buộc ông Nguyễn Long C có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Duy T số tiền nợ 1.986.000.000đ (Một tỷ chín trăm tám mươi sáu triệu đồng) theo cuốn sổ ghi nợ màu trắng trên trang bìa có chữ “ Happy Vision và Honda” bên trong cuốn sổ có 03 trang giấy ghi nợ có chữ viết của ông C trừ đi số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) mà ông T nợ của ông Châu. Số nợ gốc còn lại là 1.968.000.000đ (Một tỷ chín trăm sáu mươi tám triệu đồng) và 6.300USD là có cơ sở.

[3.2] Về yêu cầu tính tiền lãi mà ông C đã trả cho ông T đối với số tiền VND và tiền nợ gốc 6.300USD:

Các bên không đăng ký giao dịch tiền ngoại hối nên số tiền 6.300USD không được tính lãi, cấp sơ thẩm tính lãi theo yêu cầu của nguyên đơn cứ 01(một) USD quy đổi bằng 20.000đ cụ thể 6.300USD tương đương 126.000.000đ để tính lãi là không chính xác nên cần điều chỉnh.

Do đó nợ gốc là 1.968.000.000đ – 126.000.000đ, thì nợ gốc là 1.842.000.000đ và 6.300USD.

Đối với số tiền lãi: ông T yêu cầu ông C thanh toán tiền lãi cho ông với mức lãi suất là 1,7% kể từ ngày 01/01/2017 đến thời điểm xét xử là 32 tháng nhận thấy:

Khoản nợ vay bắt đầu từ ngày 23/12/2015 nhưng ông T chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2017 là có lợi cho ông C, tuy nhiên cách tính lãi cần điều chỉnh theo mức lãi suất do nhà nước quy định đối với lãi quá hạn với số tiền là: $1.842.000.000đ \times 1,125\% \times 32 \text{ tháng} = 663.120.000đ$ (Sáu trăm sáu mươi ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Như vậy, tổng số tiền nợ mà ông C phải trả cho ông T là :

$1.968.000.000đ + 663.120.000đ = 2.505.120.000đ$ (Hai tỷ năm trăm lẻ năm triệu một trăm hai nghìn đồng) và trả lại 6.300USD.

[3.3] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông C cho rằng ông C chỉ nợ ông T 300.000.000đ và yêu cầu tính lại lãi suất mà ông đã trả cho ông T. Tuy nhiên, ông C không có bất kỳ chứng cứ nào chứng minh khoản nợ gốc chỉ là 300.000.000đ nên không có căn cứ chấp nhận. Về yêu cầu tính tiền lãi mà ông C đã trả cho ông T có một phần cơ sở chấp nhận nên chấp nhận kháng cáo của ông C sửa một phần án sơ thẩm như trên.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Đối với số tiền nợ gốc 6.300USD thì tỷ giá đồng USD liên ngân hàng là 23.300VNĐ/USD, như vậy số tiền 6.300USD x 23.300đ = 146.790.000đ + nợ gốc và lãi tiền VNĐ 2.505.120.000đ = 2.651.910.000đ để tính án phí DSST, ông C phải nộp 85.038.200đ (Tám mươi lăm triệu không trăm ba mươi tám nghìn tám trăm hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông T 46.790.000đ (Bốn mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng).

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Khoản 2, 3, 4 Điều 68; Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Long C, sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T.

Buộc ông Nguyễn Long C có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Duy T số tiền nợ gốc và là 2.505.120.000đ (Hai tỷ năm trăm lẻ năm triệu một trăm hai nghìn đồng) và 6.300USD tiền gốc (Sáu nghìn ba trăm USD).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông T đồng ý nộp 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí giám định. Số tiền này ông T đã nộp xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C phải nộp 85.038.200đ án phí DSST. Hoàn trả ông T 46.790.000đ (Bốn mươi sáu triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 009931 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Ông C không phải chịu án phí DSPT, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng phúc thẩm vào tiền án phí DSST mà ông C đã nộp theo biên lai thu số 0000773 ngày 02/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, như vậy ông C còn phải nộp tiếp 84.738.200đ án phí DSST.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến ngày thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân TP.Biên Hòa;
- Dương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Biên Hòa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Thanh Hà